

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
Tháng 3 năm 2026

	Tháng 3 năm 2026 so với:				%
	Kỳ gốc 2024	Tháng 3 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 02 năm 2026	3 tháng đầu năm 2026 so với bình quân cùng kỳ (%)
Chỉ số giá tiêu dùng	109,04	103,98	102,35	101,02	102,81
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	106,56	103,70	101,48	98,92	103,57
<i>Trong đó:</i> Lương thực	100,01	99,27	102,07	100,15	97,62
Thực phẩm	107,62	104,55	100,94	98,07	105,02
Ăn uống ngoài gia đình	107,89	103,92	103,09	101,25	102,59
Đồ uống và thuốc lá	101,40	101,45	99,97	99,50	101,72
May mặc, mũ nón và giày dép	102,63	102,15	100,90	99,92	102,60
Nhà ở và vật liệu xây dựng	123,62	104,53	101,39	100,48	104,35
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,47	103,13	101,50	99,83	102,86
Thuốc và dịch vụ y tế	109,74	100,86	100,19	100,15	100,89
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	113,96	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	106,74	110,63	112,57	114,27	100,19
Bưu chính viễn thông	99,37	98,43	99,80	100,10	98,35
Giáo dục	107,59	103,51	100,01	100,00	103,53
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	109,14	103,80	100,00	100,00	103,80
Văn hoá, giải trí và du lịch	103,28	102,82	101,15	99,67	102,23
Hàng hóa và dịch vụ khác	109,35	103,39	101,97	99,61	103,28
Chỉ số giá vàng	226,83	176,95	119,08	100,97	176,80
Chỉ số giá đô la Mỹ	104,98	102,46	99,65	100,57	102,89